

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn Hữu Phúc;

2/- Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: anh Võ Quang T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị T và anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trình bày tại bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T xác định nội dung xin ly hôn như sau:

Ngày 28/4/2004, chị và anh Võ Quang T kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2014. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là không hợp nhau về suy nghĩ và quan điểm sống. Đến tháng 5/2017, anh T rời bỏ nhà thuê vợ chồng đang sống và lần tránh không cho gia đình liên lạc; trong 05 năm qua không về thăm cha, mẹ và vợ, con.

Từ tháng 5 năm 2018 đến nay chị T trở về nhà cha mẹ ở tỉnh Bến Tre để sinh sống và làm việc. Nhận thấy hạnh phúc không có, không thể duy trì tiếp tục cuộc hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung tên Võ Hoàng Ngọc K sinh ngày 30/3/2015. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho.

- Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Quang T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn, anh Võ Quang T vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Anh Võ Quang T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Võ Quang T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Thanh T xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Võ Quang T không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, anh T đã rời bỏ gia đình từ tháng 5/2017 đến nay không liên lạc với chị T cho cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Anh Võ Quang T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa anh với chị T.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Võ Quang T là trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Chị T đã giao nộp bản sao giấy khai sinh chứng minh cháu Võ Hoàng Ngọc K sinh ngày 30/3/2015 là con chung giữa chị và anh Võ Quang T.

Thấy rằng: Cháu K có bản khai xác định nguyện vọng được sống chung với chị T khi cha mẹ ly hôn; Hội đồng xét xử có xem xét nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con chung nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung:

Chị T không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Võ Quang T.

2. Con chung:

Giao 01 con chung tên Võ Hoàng Ngọc K sinh ngày 30/3/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002539 ngày 24/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị T và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đường sự;
- UBND Phường 4, thị xã Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hồ Thị Ánh Tuyết